

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-9-2022

V/v: Không công nhận quan hệ
vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Hào
2. Bà Vi Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Phạm Viết Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc: “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hơ Thị T**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Bản Pù Ngùa, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Thao Văn C**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Bản Pù Ngùa, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người phiên dịch cho nguyên đơn: Ông Lâu Văn Q, sinh năm 1993

Địa chỉ: Bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn Hơ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thao Văn C tự do tìm hiểu, yêu đương, không bị ai ép buộc, hai người hoàn toàn tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 1994, không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Cưới xong, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài. Đến năm 2016, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến không tìm được nói chung trong hôn nhân, vợ chồng thường

xuyên cãi vả lẫn nhau, anh Thao Văn C không quan tâm đến gia đình, vợ con, hay ghen tuông vô cớ, không lo toan cho kinh tế gia đình. Tuy đã đã được gia đình hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng không thể cải thiện, chị và anh C đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết không công nhận chị và anh Thao Văn C là vợ chồng.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Thao Văn C có 02 con chung, tên các cháu là Thao Văn T, sinh ngày 07/10/2003 và cháu Thao Hơ P, sinh ngày 13/6/2008; Cháu Thao Văn T đã đủ tuổi trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Cháu Thao Hơ P đang ở với bố và mẹ. Chị có nguyện vọng muốn được nuôi cháu Thao Hơ P cho đến khi cháu trưởng thành. Không yêu cầu anh Thao Văn C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị là người dân tộc thiểu (H'Mông) số sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo, nên đề nghị miễn án phí sơ thẩm.

Tại Bản lấy lời khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Thao Văn C trình bày:

Về Hôn nhân: Anh đã được nhận đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp, anh thấy chị T trình bày là đúng hoàn toàn sự thật, anh chị đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai và anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định. Nhưng anh cho rằng vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn, anh đang còn yêu thương vợ con. Nay, vợ nhất quyết muốn ly hôn thì anh cũng đồng ý. Nguyên vọng của anh là muốn chấm dứt mối quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Anh đồng ý với trình bày của chị Hơ Thị T, đó là anh chị có 02 con chung, nay cháu Thao Văn T đã trưởng thành (đủ 18 tuổi); Cháu Thao Hơ P, sinh ngày 13/12/2008, hiện nay khỏe mạnh và đang ở với anh. Nguyên vọng của anh là muốn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thao Hơ P cho đến khi cháu trưởng thành. Không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự đã tham gia đầy đủ các bước tố tụng, nên các đương sự chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Chị Hơ Thị T và anh Thao Văn C đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung, nay cháu Thao Văn T đã trưởng thành, cháu Thao Hơ P, sinh ngày 13/6/2008 hiện đang ở với anh chị, cháu T có nguyện vọng muốn ở với mẹ, chị T cũng có nguyện vọng muốn được nuôi cháu Pó, nên chấp nhận đề nghị này của chị T là phù hợp.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên chấp nhận đề nghị này.

Về án phí: Chị Hơ Thị T là người dân tộc thiểu số, thuộc diện hộ nghèo, nên miễn án phí sơ thẩm cho chị.

Đề nghị áp dụng:

Điều 147, Điều 148, Điều 278, Điều 282 và Điều 372 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 9, điều 11 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HN&GD năm 2014;

Điều 5, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Hơ Thị T và anh Thao Văn C là vợ chồng.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Thao Hơ P, sinh ngày 13/6/2008 cho chị Hơ Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Thao Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí và kháng cáo: Miễn án phí sơ thẩm cho chị Hơ Thị T, vì chị là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc diện hộ nghèo. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét thấy, chị Hơ Thị T và anh Thao Văn C đều có địa chỉ tại: Bản Pù Ngùa, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, nên Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án này.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là “Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Hơ Thị T là nguyên đơn, anh Thao Văn C là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, thì người tiến hành luôn tiến hành đầy đủ các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm: Thông báo thụ lý vụ án; triệu tập ghi lời khai; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải..... theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đã tổng đạt đầy đủ, đúng thời gian các thủ tục tố tụng cho người tham gia tố tụng. Các đương sự luôn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án;

[4] Về Hôn nhân: Chị Hơ Thị T và anh Thao Văn C được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1994, theo phong tục tập quán địa phương, đến nay đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng anh chị vẫn không đăng ký kết hôn theo luật định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng Luật về Hôn nhân và Gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết”. Như vậy, tại thời điểm xác lập quan hệ chung sống như vợ chồng giữa chị Hơ Thị T và anh Thao Văn C thì pháp luật được áp dụng để giải quyết là Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc chị Hơ Thị T và anh Thao Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ quy định tại điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nay là điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý.*

Nam nữ không đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”.

Đối chiếu với quy định pháp luật thấy rằng: Tại điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”.*

Vì vậy, chị Hơ Thị T và anh Thao Văn C phải đi đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc.

Hơn nữa, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì: Tại khoản 1 Điều 14 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.....”*

Khoản 2 Điều 53 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....*”

Do vậy, quan hệ chung sống như vợ chồng giữa chị Hơ Thị T và anh Thao Văn C phải được giải quyết bằng bản án tuyên bố anh chị không phải là vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị HĐXX không công nhận chị Hơ Thị T và anh Thao Văn C là vợ chồng. Nên Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hơ Thị T và anh Thao Văn C.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là Thao Văn T, sinh ngày 07/12/2003 và cháu Thao Hơ P, sinh ngày 13/6/2008, hiện cháu Thao Văn T đã trưởng thành, cháu Thao Hơ P đang ở với anh chị, quá trình giải quyết thì chị T và anh C đều có nguyện vọng muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, cháu P lại có bản nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, nên giao cháu P cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với tâm lý và nguyện vọng của cháu. Không chấp nhận đề nghị về phần nuôi con chung của anh Thao Văn C. Anh Thao Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị T không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Hơ Thị T được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 Điều 210, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148 Bộ luật dân sự;

Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Điều 9, Điều 11, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 58 Điều 68, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88 Luật HN&GD năm 2014;

Điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X;

Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về Hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hơ Thị Trự và anh Thao Văn Chá.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Thao Hơ P, sinh ngày 13/6/2008 cho chị Hơ Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Thao Văn C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Anh Thao Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, anh Thao Văn C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi có căn cứ của pháp luật. Chị Hơ Thị T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ.

3. Về tài sản chung, nợ nần chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Miễn án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm cho chị Hơ Thị T.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, có mặt Nguyên đơn và Bị đơn. Nguyên đơn và Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ Điều 30 luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Pù Nhi, H. Mường Lát,
- Nguyên đơn Hơ Thị T;
- Bị đơn Thao Văn C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng

